

VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG VIỆC VẬN DỤNG LÝ LUẬN CHỦ NGHĨA TƯ BẢN NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Nguyễn Hồng Sơn*

1. Nhà nước trong lý luận về chủ nghĩa tư bản nhà nước của V.I.Lênin và qua thực tiễn Chính sách kinh tế mới ở nước Nga Xô Viết

Trong xã hội có giai cấp, nhà nước đứng ra bảo vệ và phát triển nền tảng kinh tế mà giai cấp cầm quyền là người đại diện cho quan hệ sản xuất chiếm địa vị thống trị. Sức mạnh của nhà nước phụ thuộc vào sức mạnh kinh tế của giai cấp cầm quyền và thông qua sức mạnh đó, nhà nước tác động tới các hoạt động kinh tế với các mức độ và hình thức khác nhau, tùy thuộc vào từng giai đoạn lịch sử. Ngay trong chế độ phong kiến, giai cấp tư sản là người hơn ai hết hiểu rõ vai trò của nhà nước trong việc sử dụng sức mạnh về kinh tế. Chính họ, đại diện cho phương thức sản xuất tiến bộ hơn, có sức mạnh kinh tế lớn hơn đã lật đổ nhà nước phong kiến, thiết lập nhà nước của mình - nhà nước tư sản. Dưới chế độ tư bản phát triển, để củng cố sức mạnh kinh tế, nhà nước tư sản ngày càng phụ thuộc vào các tổ chức tư bản độc quyền và ngay các nhà tư bản của các tổ chức đó cũng trực tiếp tham gia vào bộ máy nhà nước hoặc thông qua người đại diện của mình ở đó nhằm tác động đến sự can thiệp của nhà nước vào các hoạt động kinh tế với mục đích giành được lợi nhuận cao nhất cho các tổ chức độc quyền. Từ đây, chủ nghĩa tư

bản nhà nước (TBNN) xuất hiện và như V.I.Lênin nói, đó là chủ nghĩa tư bản dưới chế độ tư bản khi nhà nước tư sản trực tiếp khống chế những doanh nghiệp tư bản chủ nghĩa (TBCN) trong hoạt động kinh tế¹. Người còn cho rằng: "chủ nghĩa tư bản nhà nước là chủ nghĩa tư bản phục tùng sự điều tiết của nhà nước thông qua việc giám sát, kiểm tra, quy định các hình thức..."². Do đó, chủ nghĩa TBNN là chủ nghĩa tư bản có sự can thiệp của nhà nước vào quá trình hoạt động kinh tế của nhà tư bản để qua đó nhà nước kiểm soát và điều tiết nền kinh tế, phục vụ lợi ích của giai cấp thống trị xã hội. Trong điều kiện nhà nước tư sản, chủ nghĩa TBNN là hình thức biến dạng của sở hữu TBCN và được nhà nước tư sản của các tổ chức độc quyền sử dụng để bảo vệ, điều chỉnh nền kinh tế có lợi cho những nhà tư bản kếch sù - ông chủ đích thực của các tổ chức độc quyền đó.

Cũng theo quan điểm của Lênin, chủ nghĩa TBNN không chỉ có ở những nước mà ở đó nhà nước thuộc về giai cấp tư sản, nó còn tồn tại trong điều kiện nhà nước thuộc về giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Theo Người, vấn đề của chủ nghĩa TBNN không chỉ ở chỗ sử dụng và phát triển nó trong điều kiện, hoàn cảnh nào mà quan trọng hơn cả là nhà nước sử

¹ V.I.Lênin - Toàn tập. Tập 43, Nhà xuất bản Tiến bộ. Mátxcova 1978, tr 45

² I. V.I.Lênin - Sdd. Tập 36, tr 418

* Chuyên viên, Ban kinh tế Trung ương

dụng nó là của ai, bảo vệ lợi ích cho ai. Người khẳng định, “chủ nghĩa tư bản nhà nước là một sự cứu nguy đối với chúng ta”³, đối với những nước phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa (XHCN). Ở đây, chủ nghĩa TBNN chính là “sự dung hợp” giữa nhà nước XHCN, đại diện cho lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, với nhà tư bản trong hoạt động kinh tế. Người cũng cho rằng, khi đã thiết lập được nhà nước XHCN- nhà nước của dân, do dân, vì dân - thì chính bản chất mới của nhà nước này đã làm cho chủ nghĩa TBNN “không đáng sợ, mà đáng mong đợi”⁴. Lênin còn lưu ý, “ chủ nghĩa tư bản nhà nước không phải là vấn đề tiền, mà là vấn đề quan hệ xã hội ” và do đó nhà nước XHCN không những sử dụng chủ nghĩa TBNN để phục vụ nhân dân mà còn thông qua đó cải tạo tư bản tư nhân, hướng họ theo con đường XHCN⁵.

Như vậy, chủ nghĩa TBNN là sự kết hợp về kinh tế giữa tư bản tư nhân và nhà nước. Ngay trong khái niệm, xét trên phương diện ngôn ngữ, chủ nghĩa TBNN tự nó đã bao hàm hai yếu tố: tư bản và nhà nước. Chính bản chất của yếu tố nhà nước trong một quốc gia, bảo vệ ai và mang lại lợi ích cho ai, sẽ quyết định quốc gia đó vận dụng chủ nghĩa TBNN phát triển theo con đường nào, chủ nghĩa xã hội hay chủ nghĩa tư bản.

Nói đến tư bản là nói đến tư nhân mà vấn đề trên hết của tư nhân là lợi nhuận. Trong điều kiện nhà nước XHCN, bản chất của chủ nghĩa TBNN vẫn có mục đích là lợi nhuận, song điều quan trọng là lợi

nhuận thu được từ đó có chính đáng không, có đúng pháp luật của nhà nước không hay là vì lợi nhuận mà bất chấp hậu quả xảy ra, mặc cho nhà nước, cho xã hội phải gánh chịu. Điều đó phụ thuộc rất nhiều vào sự điều tiết kinh tế vĩ mô, chế độ kiểm kê, kiểm soát, đặc biệt là công tác xây dựng và hiệu lực thi hành pháp luật của nhà nước. Lênin đã từng viết: “Phải duyệt lại và sửa đổi tất cả các luật lệ... mọi hành vi ăn cắp, mọi mưu toan trực tiếp hoặc gián tiếp công khai hoặc lén lút, lẩn tránh sự kiểm tra giám sát, sự kiểm kê của nhà nước, đều bị trừng phạt”⁶. Mặt khác, muốn thực hiện tốt vai trò của mình trong việc “sử dụng chủ nghĩa tư bản tư nhân để xúc tiến chủ nghĩa xã hội” thông qua con đường chủ nghĩa TBNN thì khả năng nhạy bén kinh tế và nhạy cảm chính trị mà nhà nước cần có là rất lớn. Nhất là khi nhà nước thực hiện việc kiểm kê, kiểm soát rất dễ làm thui chột những nhân tố tích cực của chủ nghĩa TBNN.

Với bản chất và quyền lực sẵn có của mình, nhà nước XHCN có đủ sức mạnh để sử dụng chủ nghĩa TBNN một cách có lợi nhất cho tất cả mọi người, trong đó có cả nhà tư bản. Sức mạnh đó có thể thông qua bằng pháp luật, bằng các công cụ kinh tế hoặc cụ thể hơn bằng một chính sách kinh tế được chính nhà nước đề ra và đảm bảo. Điều này được khẳng định thông qua thực tiễn nước Nga sau Cách mạng tháng Mười Nga.

Vào mùa xuân năm 1921, trong hoàn cảnh nền kinh tế nước Nga Xô Viết lúc bấy giờ bị tàn phá kiệt quệ sau nhiều năm chiến tranh và ngay cả những người nông dân

³ V.I.Lênin – Sdd. Tập 43, tr 43

⁴ V.I.Lênin – Sdd. Tập 44, tr 44

⁵ V.I.Lênin – Sdd. Tập 43, tr 335

⁶ V.I.Lênin – Sdd. Tập 44, tr 285

chiếm tuyệt đại bộ phận dân cư cũng đang bị phá sản, Chính sách kinh tế mới của Lênin đã ra đời. Hai nội dung cơ bản trong Chính sách kinh tế mới đã thể hiện một cách đúng đắn, rõ nét vai trò của Nhà nước Xô Viết trước tình thế vô cùng cấp bách đó: Nhà nước cho phép tự do thương mại và Nhà nước sử dụng chủ nghĩa TBNN dưới những hình thức như tô nhượng, hợp tác xã, đại lý, công ty hợp doanh, cho nông dân thuê những hầm mỏ nhỏ⁷. Với Chính sách này, Nhà nước được Lênin đánh giá cao trong vai trò là người định hướng, đề ra chính sách để xây dựng và mở rộng thị trường, tạo điều kiện phát triển kinh tế hàng hoá, kích thích kinh tế tư bản tư nhân phát triển, nhưng đồng thời cũng là người kiểm soát, dẫn dắt kinh tế tư bản tư nhân đi vào con đường của chủ nghĩa TBNN.

Tuy Chính sách kinh tế mới tồn tại trong thời gian ngắn, nhưng việc Nhà nước Xô Viết sử dụng chủ nghĩa TBNN như một hình thức kinh tế quá độ đã giúp nền kinh tế nước Nga lúc bấy giờ thoát khỏi khủng hoảng, tạo tiền đề phát triển cho nền đại công nghiệp Xô Viết. Ngoài ra, đây còn là một thực tiễn sinh động, mang ý nghĩa thời sự, quan trọng không chỉ đối với những nước đi theo con đường XHCN mà còn cả với các nước đang phát triển khác, trong việc khẳng định vai trò của nhà nước thông qua việc đề ra các chính sách kinh tế vĩ mô để khai thác và sử dụng nguồn vốn, công nghệ, trình độ quản lý của các nhà tư bản trong và ngoài nước.

2. Vai trò của Nhà nước ta trong việc vận dụng và phát triển lý luận chủ nghĩa tư bản nhà nước

Ở Việt Nam hiện nay, chủ nghĩa TBNN là một thành phần kinh tế trong nền kinh tế nhiều thành phần, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN. Thành phần này là *kinh tế tư bản nhà nước*, loại hình kinh tế nói lên mối quan hệ kinh tế giữa Nhà nước ta với tư bản tư nhân trong và ngoài nước. Mối quan hệ kinh tế đó được biểu hiện bằng sự hợp tác, liên doanh giữa kinh tế nhà nước với tư bản tư nhân trong hoạt động kinh tế.

Trên thực tế, không phải cho đến nay ở Việt Nam mới đề cập đến kinh tế tư bản nhà nước và vai trò của Nhà nước trong việc vận dụng loại hình kinh tế này vào công cuộc phát triển kinh tế đất nước. Ngay từ năm 1953, khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta đang ở giai đoạn quyết liệt, Bác Hồ đã khẳng định: “kinh tế tư bản quốc gia là Nhà nước hùn vốn với tư nhân để kinh doanh do Nhà nước lãnh đạo. Trong loại hình kinh tế này, tư bản của tư nhân là chủ nghĩa tư bản; tư bản của Nhà nước là CNXH”⁸. Người cho rằng, kinh tế TBNN là một trong 5 loại hình kinh tế ở Việt Nam lúc bấy giờ.

Gần 20 năm qua, kể từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đề ra đường lối mở cửa nền kinh tế vào năm 1986 cho đến nay, quan điểm của Đảng và Nhà nước đối với kinh tế TBNN là không thay đổi, luôn khuyến khích phát triển. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX khẳng định: “Kinh tế TBNN dưới các hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế nhà nước với

⁷ Vũ Hữu Ngoạn, Khổng Doãn Hợp: *Mấy vấn đề về chủ nghĩa tư bản nhà nước*. Nxb Chính trị Quốc gia. HN. 1995, tr 42

⁸ Dẫn theo Báo Cứu quốc, ngày 25/5/1953

kinh tế tư nhân trong và ngoài nước ngày càng phát triển đa dạng”. Trên cơ sở đó, Nhà nước ta đã hợp tác với các nhà tư bản và thông qua đó tác động vào hoạt động kinh tế của họ, tạo tiền đề đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Các nhà tư bản ở đây phụ thuộc vào Nhà nước cả về chính trị và kinh tế; họ là các nhà tư bản riêng biệt, hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, dưới sự kiểm tra và điều tiết của Nhà nước theo định hướng XHCN. Mặt khác, những quan điểm mới của Nhà nước như: các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đều bình đẳng trước pháp luật, được Nhà nước bảo hộ về vốn và tài sản hợp pháp; mọi công dân được tự do kinh doanh theo pháp luật,... đã thực sự được các nhà tư bản tin tưởng và đầu tư ngày một nhiều cả về vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý vào sản xuất.

Thời gian vừa qua, trên cơ sở phát triển lý luận của Lênin về chủ nghĩa TBNN, Nhà nước ta đã vận dụng tương đối linh hoạt các hình thức của kinh tế TBNN như liên doanh với nước ngoài, tô nhượng, đại lý, cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước,... vào công cuộc phát triển kinh tế.

Do tư bản tư nhân trong nước hiện nay còn nhỏ bé, cho nên kinh tế TBNN tập trung trong khu vực có vốn đầu tư của nước ngoài, chủ yếu là đầu tư trực tiếp thông qua các dự án *liên doanh góp vốn* giữa doanh nghiệp nhà nước với tư bản tư nhân nước ngoài. Những năm gần đây, các dự án này có tỷ lệ đóng góp ngày càng tăng vào sự tăng trưởng kinh tế của cả nước. Trong hình thức *đại lý* mà Nhà nước sử dụng, lời cuốn nhà tư bản với tư cách một nhà buôn để lấy tiền hoa hồng, tư bản tư nhân trong

nước tuy nhỏ bé nhưng thường chiếm phần lớn. Thông qua hình thức này, họ đã tạo nên sức sống của nền kinh tế, góp phần gắn kết sản xuất với người tiêu thụ trong điều kiện nền kinh tế thị trường nước ta còn chưa hoàn chỉnh. Để tăng cường mối quan hệ kinh tế với tư bản tư nhân, hiện nay Nhà nước ta đang đẩy mạnh *cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước* để hình thành các doanh nghiệp cổ phần mà ở đó ngoài phần vốn của Nhà nước còn có vốn của nhà tư bản và cả vốn đóng góp của nhân dân. Nhà nước cũng cho phép tư bản nước ngoài được mua 30% cổ phần bán ra của doanh nghiệp để thu hút hơn nữa nguồn vốn vào đầu tư và tăng hiệu quả kinh tế trong sản xuất kinh doanh. *Tô nhượng* trong kinh tế TBNN có ý nghĩa như là một loại hợp đồng mà Nhà nước cho thuê, cho nhà tư bản được tô nhượng hưởng một phần tài nguyên quý giá hay hưởng những ưu đãi về chính sách. Nhà nước ta đã vận dụng tô nhượng dưới các hình thức như: đổi đất lấy hạ tầng; ký kết hợp đồng liên doanh khai thác dầu thô; thành lập các khu chế xuất, khu công nghiệp;... Trong giai đoạn đầu mở cửa nền kinh tế, tư bản nước ngoài thông qua các hình thức này đã góp một phần không nhỏ tạo ra cơ sở vật chất cho phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của nhân dân, nhất là ở những vùng có khả năng phát triển nhưng Nhà nước chưa có điều kiện, đặc biệt là vốn, để đầu tư. Đồng thời, chính sách của Nhà nước về tô nhượng đã góp phần hình thành các vùng trọng điểm kinh tế, làm động lực dẫn dắt các vùng khác không có điều kiện cùng phát triển và tạo tiền đề cho nền kinh tế phát triển đồng đều, cân đối giữa các miền, các khu vực của đất nước.

Sau gần 20 năm đổi mới, nền kinh tế nước ta đã có những phát triển vượt bậc với

sự đóng góp không nhỏ của kinh tế TBNN. Mặc dù được khuyến khích “phát triển đa dạng”, được đánh giá là “mang lại lợi ích thiết thực” nhưng cũng cần phải thấy rằng kinh tế TBNN luôn mang trong bản chất của nó tính hai mặt, mặt tích cực và mặt tiêu cực. Nó như con dao hai lưỡi, tuy thuộc phần lớn vào năng lực của người sử dụng là Nhà nước. Cả hai mặt này đều cho thấy sự cần thiết của vai trò Nhà nước trong việc vận dụng kinh tế TBNN vào nước ta. Nhà nước cần khuyến khích, bảo vệ mặt tích cực nhưng đồng thời phải hạn chế, khắc phục mặt tiêu cực, đảm bảo cho kinh tế TBNN tự giác phát triển đúng định hướng XHCN.

Mặt tích cực với những ưu điểm mà kinh tế TBNN mang lại trong thời gian qua đã được thực tiễn khẳng định. Ở đây, vai trò của Nhà nước ta trong việc hợp tác với nhà tư bản được thể hiện cụ thể dưới các hình thức mua, bán cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn,... đã mang lại những thành công ban đầu, không thể phủ nhận được. Điều đó cho thấy: Nhà nước dùng thế và lực của mình để bổ sung, khai thác có hiệu quả những tiềm năng về vốn, kinh nghiệm và các lợi thế so sánh khác của tư bản tư nhân; Nhà nước có điều kiện thuận lợi thực hiện kiểm tra, kiểm soát, khắc phục tiêu cực của các yếu tố tư bản để từ đó định hướng và đề ra mức tăng trưởng phù hợp với kế hoạch, quy hoạch trong chiến lược tổng thể quốc gia; Nhà nước hướng dẫn, giúp đỡ những nhà tư sản yêu nước tự giác đi theo con đường XHCN.

Mặt tiêu cực của kinh tế TBNN tuy đã được Nhà nước hạn chế, khắc phục nhưng không phải không còn gây khó khăn cho phát triển kinh tế đất nước theo định hướng

XHCN. Các yếu tố tư bản trong kinh tế TBNN có môi trường khách quan là nền kinh tế thị trường và được pháp luật bảo vệ ở chừng mực nhất định, rất dễ dàng phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa. Điều đặc biệt là chúng không chỉ tồn tại và tác động trong sản xuất, phân phối mà còn ảnh hưởng tiêu cực đến nhiều mặt của ý thức xã hội. Trong nền kinh tế thị trường, mọi người đều được Nhà nước khuyến khích làm giàu, tạo điều kiện để tích tụ và phát triển sản xuất. Từ đó sẽ xuất hiện ngày một nhiều các nhà tư sản theo đúng nghĩa của nó và việc hình thành một lực lượng xã hội của họ trong tương lai có thể là một hiện thực. Nếu Nhà nước không định hướng và quan tâm cụ thể, không uốn nắn kịp thời và cẩn thận, lực lượng này không những tự phát phát triển, xa rời lợi ích của đất nước, của dân tộc, không ủng hộ và tích cực tham gia xây dựng CNXH mà còn dễ trở thành lực cản, chống đối lại khi bị các thế lực phản động bên ngoài lợi dụng. Mặt khác, trong cơ chế thị trường, cán bộ công chức của bộ máy quản lý nhà nước, đặc biệt là những người tham gia quản lý kinh tế, những người đại diện cho Nhà nước ở các doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài mà không vững về phẩm chất, không có uy tín và năng lực quản lý kinh doanh thì rất dễ dàng bị vô hiệu hoá, thậm chí còn bị thoái hoá biến chất. Tất cả những điều này sẽ làm cho kinh tế TBNN mất đi ý nghĩa tích cực của nó và nguy hiểm hơn nó có thể trở thành một thế lực chống phá từ bên trong nền kinh tế nước ta.

Trong điều kiện hiện nay, để sử dụng có hiệu quả hơn nữa kinh tế TBNN nhằm tăng cường thêm sức mạnh kinh tế của mình, Nhà nước ta một mặt cần nâng cao

nhận thức, quán triệt những quan điểm chung như: tiếp tục thúc đẩy sự hợp tác với tư bản nước ngoài, coi đây là một nguồn lực quan trọng, kích thích tăng trưởng kinh tế và là một xu thế tất yếu, phù hợp với bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế; ưu tiên, hỗ trợ phát triển các thành phần kinh tế trong nước dưới mọi hình thức là chiến lược lâu dài, mang tính quyết định đến sự thành công của quá trình phát triển đất nước; thực hiện sự công bằng, bình đẳng thực sự giữa các thành phần kinh tế trên mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Mặt khác, Nhà nước phải không ngừng tăng cường công tác quản lý, kiểm tra của mình, nhất là đối với kinh tế TBNN có yếu tố nước ngoài, bằng cách thông qua những định hướng chiến lược, có quy hoạch, kế hoạch cụ thể với hệ thống các công cụ, chính sách kinh tế vĩ mô mềm dẻo, thiết thực nhưng có tính nguyên tắc. Công tác hoạch định các chính sách của Nhà nước đối với tư bản tư nhân cần có tầm nhìn dài hạn, mang tính ổn định, nhất quán và đồng bộ. Để tạo điều kiện cho các chính sách đi vào cuộc sống, tăng lòng tin trong giới kinh doanh, vấn đề cải cách hành chính cũng như đổi mới và tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ công chức của Nhà nước ta hiện nay là hết sức cấp thiết, cần đi trước một bước. Đặc biệt, trong giai đoạn hiện nay, việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN vững mạnh là chủ trương lớn, có tính cấp bách để tiếp tục phát triển kinh tế TBNN. Với phương châm quản lý đất nước theo pháp luật, Nhà nước pháp quyền XHCN tạo ra môi trường pháp lý chung, đảm bảo sự ổn định và công bằng cho tất cả các bên tham gia hoạt động kinh tế. Chính môi trường pháp lý sẽ điều chỉnh

kinh tế TBNN, đảm bảo cho nó vận hành trong một khuôn khổ nhất định, theo định hướng XHCN.

Qua vận dụng tư tưởng và quan niệm của V.I.Lênin về chủ nghĩa TBNN - kinh tế TBNN vào thực tiễn hoàn cảnh nước ta, bài học kinh nghiệm lớn nhất mà chúng ta rút ra được từ đây là sự khẳng định vai trò không thể thiếu được của Nhà nước trong phát triển kinh tế. Xuất phát từ một nền kinh tế lạc hậu, muốn phát triển nhanh đất nước chúng ta cần phải có Nhà nước đủ mạnh để sử dụng và kế thừa tốt nhất những thành tựu của chủ nghĩa tư bản cho con đường đi lên CNXH, vì lợi ích của nhân dân. Nhà nước ta muốn mạnh đòi hỏi phải có tiềm lực về kinh tế mà một trong những biện pháp quan trọng để tăng cường nhanh nhất sức mạnh kinh tế của Nhà nước là vận dụng thành công kinh tế TBNN. Mặt khác, Nhà nước mạnh của chúng ta chỉ có thể là Nhà nước pháp quyền XHCN thực hiện quản lý đất nước theo pháp luật, vừa phải hoàn thành tốt được vai trò của mình qua công tác “giám sát, kiểm tra, quy định các hình thức, trật tự,...” đảm bảo cho các yếu tố tư bản trong kinh tế TBNN “phục tùng sự điều tiết của Nhà nước”, vừa phải đưa ra được các chính sách mềm dẻo tối đa để thu hút và dung nạp tất cả những gì có lợi cho sự nghiệp chung mà không sợ bị biến chất, bị lợi dụng, bị thua thiệt trong các mối quan hệ kinh tế, đặc biệt với tư bản tư nhân. Việc sử dụng và phát triển kinh tế TBNN ở nước ta hiện nay có hiệu quả hay không tùy thuộc phần lớn vào năng lực tổ chức, khả năng nhạy bén, năng động của Nhà nước trong vai trò là người “quản lý” của dân, do dân và vì dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.